TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/ HS -ST
Ngày 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Trần Thị Cúc.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tr1 Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2019, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Nam Tr1, huyện TH, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Quang D, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1986. Hộ khẩu thường trú: Thôn Bình Thành, xã NP, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn A Đ, xã AB, huyện KX, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K (đã chết) và bà Lê Thị T; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 14/9/2018 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

Người bị hại: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn Thủ Chính, xã NC, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Hữu Kh, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 2, phường TP, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

3.Chị Phạm Thị Huyền Tr2, sinh năm 1985, Nơi cư trú: Thôn A Đ, xã AB, huyện KX, tỉnh Thái Bình. (Anh Tr1, anh Kh, chị Tr2 đều vắng mặt tại phiên Tòa).

Người làm chứng:

1. Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1972.

2. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1977

Đều nơi cư trú: Thôn Quang Thịnh, xã NT, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Trần Văn B, sinh năm 1971

4. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1982

Đều nơi cư trú: Thôn Bình Thành, xã NP, huyện TH, tỉnh Thái Bình. (Anh T1, chị N, anh B, anh Q đều vắng mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên chiều ngày 06/9/2018, Phan Quang D điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát: 29X3-242.80 đến cửa hàng bán đồ dân dụng ở khu vực gần cổng chợ chiều thuộc địa phận khu 2, thị trấn TH, huyện TH mua một con dao (dạng dao bầu) dài khoảng 25 cm, rộng khoảng 03 cm, nắm dao bằng gỗ màu đen, lưỡi dao bằng kim loại với giá 25.000 đồng, giấu vào trong cốp xe môtô mục đích dùng làm công cụ để đe dọa chiếm đoạt tài sản. Khoảng 04h30' ngày 07/9/2018, D tháo biển kiểm soát xe môtô biển kiểm soát 29X3-242.80 cất vào trong cốp rồi điều khiển xe một mình từ chỗ ở đến khu vực cảng cá Cửa Lân thuộc địa phận thôn Quang Thịnh, xã NT, huyện TH mục đích tìm xem có ai sơ hở thì cướp tài sản. Do còn sớm nên lúc này tại cảng cá chưa có người, D điều khiển xe quay lại khu vực phía đầu cảng cá thì phát hiện chị Trần Thị Tr đang điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, phía sau chở theo 01 thùng xốp màu trắng có quấn băng dính vàng, trên người đeo 01 chiếc túi giả da màu đen có quai chéo kích thước khoảng 20 x 15 cm (bên trong túi có tổng số tiền 5.040.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màn hình cảm ứng do Tr1 Quốc sản xuất, 02 quyển sổ tay đã cũ và 02 chìa khóa Việt Tiệp) đi một mình về phía cuối cảng. D quay đầu xe đi sát phía sau chị Tr. Thấy chị Tr dừng xe ở khu vực gần cuối bến cảng, D cũng dựng xe, đi bộ về phía chị Tr rồi giả vờ hỏi "Có tôm cá gì bán không", chị Tr trả lời "Không có, ra giữa cảng mà mua". Quan sát chị Tr chỉ có một mình, xung quanh bến cảng vắng người nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. D lên xe máy phóng đi khoảng 70 mét thì dừng lại mở cốp xe lấy con dao bầu đã chuẩn bị sẵn từ hôm

trước luồn vào trong ống tay áo bên trái, mũi dao hướng lên trên rồi quay xe ngược trở lại chỗ chị Tr đang đứng. Khi còn cách chị Tr khoảng 02 mét, D dừng lại, quay đầu xe về phía đầu cảng cá, tắt máy, bật chế độ đèn xanh đồng thời định xuống xe tiến về phía chị Tr thì cùng lúc này có chị Bùi Thị Huyên sinh năm 1973 trú tại thôn Nam Thành, xã Nam Thắng, huyện TH (cũng là người đi thu mua hải sản) điều khiển xe máy đi đến chỗ chị Tr nói chuyện. Chờ cho chị Huyên đi khuất, D đi vòng ra phía sau lưng chị Tr, tay phải túm cổ áo phía sau gáy dúi đầu chị Tr xuống, tay trái cầm dao ghì phần sống dao vào cổ chị Tr đe dọa "Khôn ngoan thì đưa túi đây không tao giết". Chị Tr hoảng sợ rướn người lên một tay nắm cổ tay cầm dao, một tay giữ phần cán dao của D để đẩy dao ra đồng thời nói "Anh cứ bỏ em ra rồi em đưa túi cho". Cùng lúc này chị Tr phát hiện các anh Trần Văn B, sinh năm 1971 và Trần Văn Q, sinh năm 1982 đều ở thôn Bình Thành, xã NP, huyện TH đang đi từ phía cảng cá vào, cách chỗ chị Tr khoảng 50 mét, chị Tr liền hô lên "Hai anh ơi cứu em với". Thấy vậy D xoay người từ phía sau vòng ra đằng trước để che chắn rồi tiếp tục giằng co với chị Tr. Trong lúc giằng co, ngón cái bàn tay trái của chị Tr bị lưỡi dao cứa chảy máu, chị Tr buông cả hai tay ra thì D giật lấy chiếc túi chị Tr đang đeo trên người rồi lên xe phóng bỏ chạy về hướng đầu cảng cá. Khi đến khu vực ngã ba giáp danh giữa các xã Nam Thắng, NT và Nam Thanh, D dừng lại mở túi ra kiểm tra thì thấy ngăn đầu tiên trong túi có 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng đã cũ, 02 quyển sổ và 02 chiếc chìa khóa, ngăn thứ hai có một tập tiền gồm 2.300.000 đồng tiền chẵn và 40.000 đồng tiền lẻ (loại 1.000 đồng, 2.000 đồng, 5.000 đồng). D tắt nguồn chiếc điện thoại di động cất vào túi áo ngực bên phải, lấy tập tiền cho vào túi áo ngực bên trái, dắt con dao bầu vào gácbaga xe, lấy túi xách vừa cướp được đè lên trên rồi tiếp tục điều khiển xe đi về hướng xã Tây Giang. Khi đến khu vực cầu Tám Tấn thuộc địa phận xã Tây Tiến, huyện TH, D dùng tay trái ném chiếc túi xách và con dao bầu xuống sông. Sau khi cướp được tài sản của chị Tr, D trả anh Nguyễn Văn Tr1 600.000 đồng, trả anh Phạm Hữu Kh 1.000.000 đồng, đưa cho vợ là chị Phạm Thị Huyền Tr2 300.000 đồng để đi chợ, số tiền còn lại D đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL- ĐGTS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TH kết luận: 01 túi giả da màu đen trị giá 42.500 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màn hình cảm ứng trị giá 480.000 đồng, 02 quyển sổ và 02 chìa khóa không còn giá trị sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 522.500 đồng. Bản cáo trạng số 05/KSĐT ngày 14/01/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phan Quang D về tội "Cướp tài sản" theo quy

định tại điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Quang D phạm tội "Cướp tài sản" áp dụng điểm d khoản 2 điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 50, điều 38, điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo D. Xử phạt bị cáo Phan Quang D từ 05 năm 03 tháng tù đến 05 năm 09 tháng tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo D thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản thay bị cáo D cho chị Trần Thị Tr tổng số tiền 5.000.000 đồng. Đối với anh Nguyễn Văn Tr1, sau khi anh Tr1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 600.000 đồng, gia đình bị cáo D thỏa thuận trả nợ cho anh Tr1 thay bị cáo D số tiền là 600.000 đồng. Chị Tr và anh Tr1 đều không yêu cầu đề nghị thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không phải giải quyết. Xét sự thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên và ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TH, Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2]. *Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:* Tại phiên Tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo D tại phiên Tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ sau: Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH lập ngày 07/9/2018, tại bến cá Cửa Lân thuộc địa phận thôn Quang Thịnh, xã NT, huyện TH, biên bản xác định địa điểm thực hiện hành vi phạm tội do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 14/9/2018, tại bến cá Cửa Lân thuộc địa phận thôn Quang Thịnh, xã NT, huyện TH, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện TH lập ngày 07/9/2018, tại Trạm y tế xã NC, huyện TH. Biên bản quản lý số tiền 600.000 đồng là tiền D cướp của chị Tr sau đó mang đi trả nợ cho anh Nguyễn Văn Tr1 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 14/9/2018, tại nhà của anh Nguyễn Văn Tr1, biên bản truy tìm vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 13/9/2018, tại khu vực cầu Tám Tấn thuộc xã Tây Tiến, huyện TH, biên bản khám xét chỗ ở của Phan Quang D do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 14/9/2018 tại thôn A Đ, xã AB, huyện KX, tỉnh Thái Bình, bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐGTS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TH, đơn trình báo và lời khai của người bị hại là chị Trần Thị Tr, lời khai của anh Ngô Văn T1, chị Bùi Thị N, anh Trần Văn B, Trần Văn Q và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 05h00' ngày 07/9/2018, tại khu vực bến cảng cá Cửa Lân thuộc địa phận thôn Quang Thịnh, xã NT, huyện TH, Phan Quang D đã dùng dao bầu dí vào cổ chị Trần Thị Tr đe dọa chiếm đoạt của chị Tr 01 chiếc túi giả da màu đen trị giá 42.500 đồng, bên trong túi có số tiền 5.040.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng đã cũ trị giá 480.000 đồng, 02 quyển sổ tay và 02 chìa khóa Việt Tiệp không còn giá trị sử dụng. Tổng giá trị tài sản D cướp của chị Tr là 5.562.500 đồng.

[3]. *Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản. Bị cáo đã có hành vi dùng dao bầu dí vào cổ chị Tr mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Tr là 5.562.500 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phan Quang D đã phạm tội: " Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 168. Tội cướp tài sản:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

h) Tái phạm nguy hiểm.

.....

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4]. *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:*

Bị cáo D có nhân thân tốt không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Bị cáo D không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thay bị cáo cho chị Trần Thị Tr là 5.000.000 đồng" theo quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Chị Tr có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Quang D được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Vì vậy, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của nhà nước ta.

[5]. *Về hình phạt:* Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp với quy định của pháp luật. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo D thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản thay bị cáo D cho chị Trần Thị Tr tổng số tiền 5.000.000 đồng. Đối với anh Nguyễn Văn Tr1, sau khi anh Tr1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 600.000 đồng, gia đình bị cáo D thỏa thuận trả nợ cho anh Tr1 thay bị cáo D số tiền là 600.000 đồng. Chị Tr và anh Tr1 đều không yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự nên không phải giải quyết. Xét sự thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

[7]. *Về xử lý vật chứng*:

7.1. Đối với một xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, số khung RLCS5C640 CY 740594, số máy 5C64740592 bị cáo D sử dụng làm phương tiện đi cướp tài sản ngày 07/9/2018, quá trình điều tra xác định biển số 29 X3 – 242.80 gắn trên xe là biển số giả, chiếc xe trên là vật chứng trong vụ án khác, nhưng Cơ quan điều tra chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe trên nên cần chấp nhận cơ quan điều tra tách ra để điều tra, xác minh là phù hợp với quy định của pháp luật

7.2. Đối với một con dao bầu bị cáo dùng vào việc phạm tội và một túi giả da màu đen của chị Trần Thị Tr, bị cáo D đã vứt vật chứng trên xuống sông, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có nên không giải quyết.

7.3. Đối với một dao bầu dài 25 cm, lưỡi dao dài 15 cm, cán dao bằng gỗ dài 10 cm, cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo, chiếc dao trên bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nhưng bị cáo không nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

7.4. Đối với một biển số xe máy 29 X3 -242.80 của bị cáo là biển số xe máy giả nên cần tịch thu, tiêu hủy.

7.5. Đối với một túi nilon bên trong chứa bột ớt màu đỏ của bị cáo, bị cáo không nhận lại hơn nữa không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

7.6. Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Itel màn hình cảm ứng đã qua sử dụng là tài sản của chị Tr nên cần trả lại chị Tr chiếc điện thoại trên là phù hợp.

7.7. Đối với một áo bò màu xanh dài tay, có mũ (dạng áo chống nắng), một mũ bảo hiểm nửa đầu màu bạc có hoa văn, một khẩu Tr2 y tế màu xanh đều của bị cáo nhưng bị cáo không nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

7.8. Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả bị cáo chiếc điện thoại trên là phù hợp.

7.9. Đối với số tiền 600.000 đồng đây khoản tiền bị cáo phạm tội mà có nhưng bị cáo đã sử dụng khoản tiền này trả nợ cho anh Tr1. Anh Tr1 đã tự nguyện nộp lại khoản tiền trên cho Cơ quan điều tra nhưng gia đình bị cáo đã thỏa thuận trả cho anh Tr1 số tiền trên nên cần trả lại bị cáo khoản tiền trên là phù hợp.

[8]. *Về các vấn đề khác trong vụ án*: Sau khi cướp được tài sản của chị Tr, D trả cho anh Nguyễn Văn Tr1 600.000 đồng, trả cho anh Phạm Hữu Kh 1.000.000 đồng và đưa cho vợ là chị Phạm Thị Huyền Tr2 300.000 đồng. Tuy nhiên, tài liệu điều tra xác định khi đưa tiền D không nói, chị Tr2, anh Tr1, anh Kh đều không biết đây là tài sản do cướp của chị Tr mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Tr2, anh Tr1, anh Kh là có căn cứ.

[9]. *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2, điều 51, điều 38, điều 50, điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Quang D.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Quang D phạm tội "Cướp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phan Quang D 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản của gia đình bị cáo Phan Quang D đã bồi thường thay cho bị cáo D cho người bị hại là chị Trần thị Tr tổng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hai bên đã giao và nhận xong số tiền bồi thường thiệt hại tài sản là 5.000.000 đồng. Đối với anh Nguyễn Văn Tr1, sau khi anh Tr1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 600.000 đồng, gia đình bị cáo D thỏa thuận trả nợ cho anh Tr1 thay bị cáo D số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Hai bên đã giao nhận xong số tiền 600.000 đồng. Chị Tr và anh Tr1 đều không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

4.Về vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện TH tỉnh Thái Bình tách một xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, số khung RLC S5C640 CY740594, số máy 5C64740592 để giải quyết theo thẩm quyền.

- Tịch thu, tiêu hủy một con dao bầu dài 25 cm, lưỡi dao dài 15 cm, cán dao bằng gỗ dài 10 cm, một biển số xe máy 29 X3 -242.80, một áo bò màu xanh dài tay, có mũ (dạng áo chống nắng), một mũ bảo hiểm nửa đầu màu bạc có hoa văn, một khẩu Tr2 y tế màu xanh và một túi nilon bên trong chứa bột ớt đều của bị cáo Phan Quang D.

-Trả lại cho chị Trần Thị Tr, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn Thủ Chính, xã NC, huyện TH, tỉnh Thái Bình một điện thoại di động nhãn hiệu hiệu Itel màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

-Trả lại cho bị cáo Phan Quang D một điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Viettel màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo Phan Quang D 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điều 23 nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Quang D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo D, chị Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kh, anh Tr1, chị Tr2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện TH
- Công an huyện TH.
- THA huyện TH
- UBND xã NP, huyện TH, tỉnh Thái Bình.
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng. Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh